

Bản án số: 660/2025/DS-PT

Ngày 13/6/2025

V/v “Tranh chấp thừa kế”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/TLPT-DS ngày 25 tháng 2 năm 2025, về việc: “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2024/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1731/2025/QĐ-PT, ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1942; cư trú tại: Số 339 Khóm 8, Phường 7, TP. Trà V, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông B: Bà Phạm Bích T, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 125/109, Tám D, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Thanh T, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 79, Phạm ngũ L, k 2, phường 2, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền, theo Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2024 và ngày 19/3/2025; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bích: Ông Nguyễn Trọng D là Luật sư của Công ty Luật TNHH BKR&Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Thanh Th, sinh năm 1959; có mặt.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1961; có mặt.

Cùng cư trú tại: Số 79 Phạm Ngũ L, K 2, Phường 2, TP. Trà V, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Th, bà Nh: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; cư trú tại: Khóm 2, thị trấn Châu Th, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền; theo Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dan Ph (Phạm Thanh Th), sinh năm 1940; cư trú tại: 6B Gate RD #B, Worcester, MA 01603 - 1839, USA; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Dan Ph (Phạm Thanh Th): Ông Phạm Văn B, sinh năm 1942; cư trú tại: Số 339 Khóm 8, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền; theo Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022; có mặt.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Ng, sinh năm 1946; cư trú tại: Đường Nguyễn Thị Ú Khóm 1, phường 3, TP. Trà V, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Tuyết V, sinh năm 1951; có mặt.

4. Ông Phạm Thanh Th, sinh năm 1956; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 79 Phạm Ngũ L, K 2, Phường 2, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp của bà Ng, bà V, ông Th: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; cư trú tại: 26 đường 3/2, K 2, thị trấn Châu Th, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền; theo Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023; có mặt.

5. Bà Phạm Bích L, sinh năm 1963; vắng mặt.

6. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1976; có mặt.

Cùng cư trú tại: Số 79, Phạm ngũ L, K 2, Phường 2, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2022, đơn yêu cầu, biên bản hòa giải ngày 08/11/2024, và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày nội dung và yêu cầu như sau:*

Cha, mẹ ông là cụ Phạm Văn Kh (chết năm 2006) và cụ Trần Thị Tr (chết năm 2022) có 08 người con chung: Ông Phạm Thanh Th (DAN P); ông Phạm Văn B; bà Phạm Thị H (chết năm 2022 không có chồng, con); bà Phạm Thị Tuyết Ng; bà Phạm Thị Tuyết V; ông Phạm Thanh Th; bà Phạm Thị Thanh Th; bà Phạm Thị Tuyết Nh. Lúc sinh thời cha, mẹ có tạo lập tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 614 (nay là thửa 214) diện tích 112m² (diện tích thực đo là 104,4m²) loại đất thổ, tờ bản đồ số 17, tọa lạc khóm 2, phường 2, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Thừa đất số 01, diện tích 889,9m² (diện tích thực đo 697,2m²) loại đất thổ, tờ bản đồ số 8, tọa lạc K 2, P 2, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh. Một căn nhà (01 trệt; 01 lầu) có diện tích 75m² và 01 căn nhà trệt có diện tích 108m², cả hai căn nhà nằm trên 02 thửa đất số 614 (214) và thửa số 01.

Ngày 09/12/2004 cha ông là Phạm Văn Kh có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản trong khối tài sản chung với vợ là bà Trần Thị Tr cho 04 người con gồm: ông Phạm Thanh Th; ông Phạm Văn B; bà Phạm Thị Tuyết V và Phạm Thanh Th. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Tổng diện tích 889,9m² chia đều cho 07 phần (do người em Phạm Thị H chết năm 2017 không có chồng con) mỗi phần bằng 127,12m², ông một phần và người anh thứ hai một phần là 254,24m², yêu cầu nhận đất (phần đất sát nhà anh N) từ mặt tiền đường Phạm Ngũ L đo thẳng xuống không tránh né gì cả. Phần đất sau nhà anh N (nếu anh em thỏa thuận được) ông B đồng ý đổi phần đất đó vào giá trị tài sản trên đất mà ông được hưởng gồm (01 trệt 01 lầu có diện tích 75m² và 02 căn nhà thửa 614, diện tích...), xin nhận giá trị tài sản trên đất 02 suất, còn phần cây trên đất, Tòa án chia cho ai phần đất có cây thì được hưởng không yêu cầu hoàn tiền chên lệnh.

- Bị đơn bà Phạm Thị Thanh T, bà Phạm Thị Tuyết N và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Đ có ý kiến trình bày như sau:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, diện thừa kế và di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Cụ Phạm Văn Kh (chết năm 2006) và cụ Trần Thị Tr (chết năm 2022) có tạo lập khối tài sản gồm thửa đất số 614, diện tích 112m², loại đất thổ, tờ bản đồ số 17, tọa lạc Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và Thửa đất số 01, diện tích 889,9m², loại đất thổ, tờ bản đồ số 8, tọa lạc khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Một căn nhà (01 trệt; 01 lầu) có diện tích 75m² và 01 căn nhà trệt có diện tích 108m², cả hai căn nhà nằm trên 02 thửa đất số 614 và thửa số 01. Khi cụ Trần Thị Tr chết có để lại di chúc chia cho 04 người con là bà Phạm Thị Tuyết Nh; bà Phạm Thị Thanh Th; bà Phạm Thị Tuyết Ng và bà Phạm Thị H.

Nay phía bị đơn bà Phạm Thị Thanh Th và Phạm Thị Tuyết Nh đồng ý chia thừa kế cho các anh, em, như phía nguyên đơn trình bày, nhưng yêu cầu chia làm 08 phần (trong đó có một suất cho phía bị đơn do có công sức giữ gìn di sản và có công chăm sóc cha mẹ, bà H và thờ cúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh Th ủy quyền cho ông Phạm Văn B làm đại diện thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông B, các di sản là nhà và đất thửa 01 và thửa 214 tọa lạc Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của cha, mẹ để lại, yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho ông Th 01 suất, yêu cầu được nhận phần đất và giao suất thừa kế cho ông Phạm Văn B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tuyết Ng, bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th do bà Trần Thị Đ làm đại diện thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn đồng ý chia thừa kế cho các anh, em nhưng dành 01 suất cho bị đơn do có công gìn giữ, quản lý di sản và có công chăm sóc, nuôi dưỡng thờ cúng bà H, cha mẹ. Ngoài ra phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của chị Phạm Bích L và anh Phạm Thanh T là con của ông B cho rằng đã ở từ nhỏ với ông bà nội tại căn nhà số 79, nay yêu cầu được lưu cư tại căn nhà số 79, Phạm Ngũ Lão, Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh thời hạn một năm.

Tại Bản án dân sự số 62/2024/DS-ST ngày 21/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 38; Điều 147, Điều 157, Điều 165; khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 658, Điều 659 BLDS 1995; Điều 612, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Phạm Văn B

- Xác định hàng thừa kế của ông Kh. Bà Trí gồm: Ông Phạm Văn Bích, ông Dan Ph (Phạm Thanh th), bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th, bà Phạm Thị Thanh Th, bà Phạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết Ng.

- Di sản thừa kế gồm: 01 căn nhà 01 trệt, 01 lầu tại thửa đất 214, diện tích 104.4m², loại đất thổ; thửa đất số 01 diện tích 700.2m², tờ bản đồ số 8, loại đất ở đô thị, có căn nhà, các công trình trên thửa đất và cây ăn trái tại số 79 đường Phạm Ngũ Lão, khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho ông Phạm Văn B và ông Dan Ph (Phạm Thanh Th) tài sản gồm: Tại phần đất thửa 01 gồm: A = 168.9m², A6 = 13 m², A7 = 2.6m², A8 = 13.9m², A 9.1 = 3.3m² cộng chung là 201.7m².

Chia cho 05 thừa kế còn lại gồm: Bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh th, Phạm Thị Thanh T, Phạm Thị Tuyết Nh. Phạm Thị Tuyết Ng: Các công trình vật kiến trúc trên đất: Giao căn nhà 01 trệt, 01 lầu trên thửa 214 có diện tích đất 104.4m² (B=93.4m²: B 1= 2m²; B 2= 9m²), phần đất còn lại thửa 01 có diện tích 498.5 m² gồm: (A1 = 110.4m², A2 = 180.5m², A3 = 42.2m², A4 = 18m², A5 = 127.1m², A9.2 = 17.3m², C= 3m²) các công trình khác cho các bị đơn sở hữu, nhưng phải hoàn lại giá trị cho ông Bích, ông Th 02 phần về tài sản trên đất là 133.699.300 đồng.

(Có sơ đồ khu đất kèm công văn số 1074/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/9/2024).

Buộc bà Phạm Thị Thanh T, bà Phạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết V, Phạm Thị Tuyết Ng, ông Phạm Thanh Th có nghĩa vụ hoàn trả cho đồng nguyên đơn ông Phạm Văn B và Phạm Văn Th số tiền 111.699.300 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Chị Phạm Bích Loan và anh Phạm Thanh T được tiếp tục lưu cư tại nhà số 79, Phạm Ngũ Lão, khóm 2, phường 2, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2024 ông Phạm Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia 7 suất thừa kế cho các đồng thừa kế. Tại phiên tòa ông B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B trình bày: Di sản của cụ Kh, cụ Tr chia 7 phần cho những người thừa kế hiện còn sống; khi cha mẹ còn sống, về già các con ai cũng có công chăm sóc cha mẹ và nuôi bệnh khi cha mẹ ốm đau, trừ những anh chị em đã đi xa; khi ông Th ở nước ngoài cũng thường xuyên gửi tiền về nuôi dưỡng cha mẹ; ông L và ông T ở và làm ăn tại căn nhà số 79 của ông bà, thu nhập được cũng dùng một phần vào lo cho ông bà nội khi còn sống. Do đó, gia đình của ông B, bà Th, bà Nh đều có công sức quản lý nhà đất, chăm sóc cha mẹ như nhau, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông B chia di sản của hai cụ thành 7 suất thừa kế và giao cho mỗi người một suất, riêng suất của ông Th giao cho ông Bích quản lý, đứng tên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà Nh, bà Ng, bà V, ông Th trình bày: Khi cha mẹ còn sống đã mua nhà đất cho ông B ở riêng, khi cha chết thì ông B mới dẫn các con về ở tại căn nhà 79; khi mẹ bệnh chỉ có bà T, bà Nh là người lo chăm sóc cho mẹ; các con của ông B có ở tại nhà đất 79 nhưng không thường xuyên, liên tục nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của ông B thì thấy sau khi cụ Trí chết, ông B đã khởi kiện chia di sản thừa kế; trong thời gian cụ Tr chết thì nhà đất của hai cụ có 4 người ở và quản lý là bà T, bà Nh, bà L và ông T nên chấp nhận kháng cáo của ông B sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn B đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét kháng cáo của ông B:

[3.1]. Về người thừa kế: Cụ Phạm Văn K (chết ngày 28/8/2006) và cụ Trần Thị Tr (chết ngày 06/4/2022) có 08 người con chung là ông Phạm Thanh Th, ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị H (chết ngày 04/3/2017 không có chồng con), bà Phạm Thị Tuyết Ng, bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th, bà Phạm Thị Thanh T, bà Phạm Thị Tuyết Nh.

[3.2]. Về di sản thừa kế: Cụ Kh và cụ Tr để lại (1) 01 căn nhà chính (01 trệt, 01 lầu số 79), trên thửa đất số 214, tờ bản đồ số 8, diện tích 104,4m² loại đất thổ, ở đô thị, tọa lạc Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (2) 01 căn nhà sau diện tích 107,1m², căn nhà sau (3) diện tích 28,5m², nhà vệ sinh diện tích 2,7m² và các công trình khác trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 8, diện tích 720.8m², loại đất thổ, ở đô thị. Như vậy, di sản của cụ Kh, cụ Tr để lại là 804,6m² đất, tọa lạc Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và giá trị nhà, công trình trên đất là 534.797.200 đồng.

[3.3]. Khi còn sống cụ K lập di chúc để 50% tài sản chung cho 4 người con ông Phạm Thanh Th; ông Phạm Văn B; bà Phạm Thị Tuyết V và Phạm Thanh Th và cụ Tr lập di chúc để 50% tài sản chung cho 4 người con bà Phạm Thị Tuyết Nh; bà Phạm Thị Thanh T; bà Phạm Thị Tuyết Ng và bà Phạm Thị H. Tuy nhiên, di chúc của hai cụ lập không đúng quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có giá trị và các đồng thừa kế thống nhất chia di sản của cụ Kh, cụ Tr theo pháp luật là có cơ sở.

[3.4]. Tại cấp sơ thẩm, ông B yêu cầu chia di sản của cụ Kh và cụ Tr cho 7 suất thừa kế, cho 7 người con là ông Th, ông B, bà Ng, bà V, ông Th, bà T, bà Nh; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng phía bị đơn thì yêu cầu chia 8 suất thừa kế, trong đó có 01 suất tính công sức gìn giữ, bảo quản di sản, công chăm sóc, thờ cúng người để lại di sản thừa kế cho bị đơn. Xét yêu cầu của hai bên thì thấy: Ngày 28/8/2006 cụ Kh chết, nhà đất trên do cụ Tr quản lý ở cùng các con là bà Th, bà Nh và các cháu bà Phạm Bích L, anh Phạm Thanh T (con của ông B). Đến ngày 06/4/2022 cụ Tr chết bà Th, bà Nh, bà L, anh T tiếp tục quản lý nhà đất trên; sau khi cụ Tr chết, ông B đã khởi kiện “Tranh chấp di sản thừa kế” tại Tòa án. Như vậy, có cơ sở sau khi cụ Tr chết, ông B đã tranh chấp và di sản của hai cụ để lại bà Th, bà Nh, bà L và anh T là người quản lý; theo kết quả định giá tài sản thì nhà, công trình kiến trúc trên đất do hai cụ để lại không có sửa chữa, tôn tạo, làm tăng giá trị tài sản. Mặt khác, khi cụ Kh và cụ Tr về già, các con cháu ở gần chăm sóc, nuôi dưỡng khi bị bệnh; còn ông Th ở nước ngoài gửi tiền về lo đời sống cho cha mẹ... đó là những nghĩa cử chung của các con, đối với cha, mẹ.

Nay, ông B và anh T cũng mong muốn được nhận nhà đất tại số 79 để làm nơi thờ cúng cha mẹ, ông bà nhưng bà Th và bà Nh không chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia 01 suất thừa kế cho bà Th, bà Nh để tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, gìn giữ di sản và thờ cúng là chưa đủ cơ sở. Bà H chết không có chồng con để hưởng di sản của cụ Kh được chia. Từ những căn cứ trên, ông B kháng cáo yêu cầu chia di sản của cụ Kh, cụ Tr cho 7 người con còn lại là ông Th, ông B, bà Ng, bà V, ông Th, bà Th, bà Nh là có cơ sở.

[3.5]. Di sản của cụ Kh, cụ Tr chia cho ông B, ông Th, bà Ng, bà V, ông Th, bà T, bà Nh mỗi kỹ phần thừa kế là $114,9428\text{m}^2$ ($804,6\text{m}^2 : 7$) và trị giá nhà, công trình trên đất là 76.399.600 đồng ($534.797.200 \text{ đồng} : 7$). Ông B và ông Th hưởng 2 suất thừa kế là $229,885\text{m}^2$ và trị giá nhà, công trình trên đất là 152.799.200 đồng; ông B và ông Th được sử dụng một phần thừa 01 gồm: $A = 168,9\text{m}^2$, $A6 = 13\text{m}^2$, $A8 = 13,9\text{m}^2$, $A9.1 = 3,3\text{m}^2$, $A7 = 2,6\text{m}^2$, tổng cộng là $201,7\text{m}^2$. Do đó, ông B và ông Th còn được hưởng $28,185\text{m}^2$ ($229,885\text{m}^2 - 201,7\text{m}^2$); bà Th, bà Nh, bà Ng, bà V và ông Th được sử dụng diện tích đất này và sở hữu nhà, công trình trên đất nên phải hoàn trả cho ông B, ông Th trị giá đất 1.127.400.000 đồng ($28,185\text{m}^2 \times 40.000.000\text{đ}/\text{m}^2$) và trị giá nhà, công trình trên đất 152.799.200 đồng; tổng cộng là 1.280.199.200 đồng. Bà T, bà N, bà Ng, bà V và ông Th được sử dụng thừa 214, diện tích $104,4\text{m}^2$; một phần thừa 01, diện tích $498,5\text{m}^2$ gồm: ($A1 = 110,4\text{m}^2$, $A2 = 180,5\text{m}^2$, $A3 = 42,2\text{m}^2$, $A4 = 18\text{m}^2$, $A5 = 127,1\text{m}^2$, $A9.2 = 17,3\text{m}^2$, $C=3\text{m}^2$) và được sở hữu nhà, công trình trên đất. Sau khi các đương sự thanh toán đủ tiền, được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

[3.6]. Từ những tài liệu và phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bích là có căn cứ nên được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do đó, chấp nhận đơn kháng cáo của ông B; sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Bích không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn B; Sửa một phần Bản án dân sự số 62/2024/DS-ST ngày 21/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 38; Điều 147, Điều 157, Điều 165; khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 658, Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 612, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm

2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn B.

- Xác định hàng thừa kế của cụ Phạm Văn Kh gồm: Cụ Trần Thị Tr, ông Phạm Văn B, ông Dan Ph (Phạm Thanh Th), Phạm Thị H, Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th, bà Phạm Thị Thanh Th, bà Phạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết Ng; hàng thừa kế của cụ Trần Thị Tr gồm: ông Phạm Văn B, ông Dan P (Phạm Thanh Th), bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th, bà Phạm Thị Thanh T, bà Phạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết Ng.

- Di sản thừa kế gồm: 01 căn nhà 01 trệt, 01 lầu tại thửa đất 214, diện tích 104.4m², loại đất thổ; thửa đất số 01 diện tích 700.2m², tờ bản đồ số 8, loại đất ở đô thị, có căn nhà, các công trình trên thửa đất và cây ăn trái tại số 79 đường Phạm Ngũ Lão, Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Chia cho ông Phạm Văn B và ông Dan Ph (Phạm Thanh Th) tài sản gồm: Tại phần đất thửa 01 gồm: A = 168.9m², A6 = 13m², A7 = 2.6m², A8 = 13.9m², A9.1 = 3.3m², tổng cộng là 201.7m² giao cho ông Phạm Văn B quản lý, sử dụng.

- Chia cho 05 thừa kế còn lại gồm: Bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th, bà Phạm Thị Thanh T, bà Phạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết Ng được sử dụng thửa 214, diện tích 104.4m² (B=93.4m², B1= 2m², B2= 9m²); sử dụng phần đất còn lại của thửa 01, diện tích 498.5 m² gồm: (A1 = 110.4m², A2 = 180.5m², A3 = 42.2m², A4 = 18m², A5 = 127.1m², A9.2 = 17.3m², C= 3m²); được sở hữu nhà và các công trình khác xây dựng trên đất.

(Sơ đồ khu đất kèm Công văn số 1074/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/9/2024)

- Buộc bà Phạm Thị Thanh Th, bà Phạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết V, bà Phạm Thị Tuyết Ng, ông Phạm Thanh Th có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất, nhà và công trình trên đất vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Phạm Văn B và ông Phạm Văn Th số tiền là 1.280.199.200 đồng. (Ông Phạm Văn B nhận số tiền trên và có trách nhiệm giao ½ số tiền cho ông Phạm Văn Th khi có yêu cầu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Sau khi các đương sự thanh toán đủ tiền theo quyết định của bản án, được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

3. Bà Phạm Bích L và ông Phạm Thanh T được tiếp tục lưu cư tại nhà số 79, Phạm Ngũ Lão, Khóm 2, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng thu 12.000.000 đồng, tổng chi 9.784.000 đồng, còn lại 2.415.000 đồng.

Buộc ông Phạm Văn B, ông Phạm Thanh Th phải chịu 2.446.000 đồng

Buộc bà Phạm Thị Tuyết V, ông Phạm Thanh Th, bà Phạm Thị Thanh T, P bà hạm Thị Tuyết Nh, bà Phạm Thị Tuyết Ng phải chịu 7.338.000 đồng, thu số tiền này sẽ hoàn trả cho ông Phạm Văn B. Ông B nhận lại số tiền 2.415.000 đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

5. Án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho các đồng thừa kế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn Bích không phải chịu.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Thu Hương - Trần Thị Hòa Hiệp

Đặng Văn Ý

